TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 4 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Lương.

2. Bà Hoàng Thị Thúy Giang.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm QT, xã TX, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm X, xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/9/2020 cũng như bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày: Nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Anh T kết hôn ngày 10 tháng 7 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn

nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại miền Nam. Đến đầu năm 2019 vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại xã NT, huyện Nam Đàn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Anh T không chung thủy, đánh bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau. Nay nguyên đơn thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh T. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Lê Duy K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2016. Quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi các con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Lê Thị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật L và giao con chung Nguyễn Lê Duy K cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung và tiến hành tống đạt các Thông báo cho anh Nguyễn Anh T theo quy định nhưng anh Nguyễn Anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai và tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh các nội dung tranh chấp trong vụ án tại UBND xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và lấy lời khai của bà Hồ Thị T (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Anh T) thì được cung cấp thông tin: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã NT, huyện Nam Đàn nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương mà làm thủ tục để đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2014 và đã có 02 con chung là Nguyễn Lê Duy K và Nguyễn Lê Nhật L. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại miền Nam. Đến năm 2019 hai vợ chồng cùng các cháu về sống cùng ông Nguyễn Hữu D và bà Hồ Thị T tại xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào địa phương và gia đình không rõ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành

đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết nên bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tình cảm: Chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Anh T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2016 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Lê Duy K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Lê Thị M yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, quyển số 01/2014, ngày 10 tháng 7 năm 2014 của UBND xã TX, huyện TH, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Lê Thị M là do anh Nguyễn Anh T không chung thủy, đánh bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh Nguyễn Anh T vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

[2]. Về con chung: Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Anh T có hai con chung là Nguyễn Lê Duy K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 và Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2016. Tại phiên tòa chị Lê Thị M trình bày: Nguyện vọng của gia đình chồng là được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Lê Duy K nên ngày 09/3/2021 chị Lê Thị M chuyển hộ khẩu và đưa con chung Nguyễn Lê Nhật L về Hà Tĩnh sinh sống cùng bố mẹ đẻ còn con chung Nguyễn Lê Duy K sống cùng anh Nguyễn Anh T và ông bà nội tại xã NT, huyện Nam Đàn. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các con, chị Lê Thị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhật L và giao con chung Nguyễn Lê Duy K cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung đến khi trưởng thành là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đều trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp

thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Duy K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Lê Nhật L, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2016 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do các bên chưa có yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003429, ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Lài